

NHU CẦU DỊCH VỤ CÔNG TÁC XÃ HỘI CỦA TRẺ EM TẠI LÀNG TRẺ EM BIRLA HÀ NỘI

TS. Nguyễn Huyền Linh

Trường Đại học Lao động - Xã hội

linh171176@gmail.com

ThS. Nguyễn Thị Huệ

Trường Đại học Lao động - Xã hội

nguyenth hue1310@gmail.com

Tóm tắt: Việt Nam hiện có 156.932 trẻ em mồ côi cả cha lẫn mẹ, trẻ em bị bỏ rơi hoặc không nơi nương tựa. Trong số đó, nhiều em đang sống tại các cơ sở bảo trợ xã hội. Làng trẻ em Birla Hà Nội là một cơ sở bảo trợ xã hội đã và đang chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Bài viết này trình bày tóm tắt một số kết quả nghiên cứu về nhu cầu dịch vụ Công tác xã hội (CTXH) được trích từ Báo cáo nghiên cứu “Nhu cầu và thực trạng cung cấp dịch vụ CTXH với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tại Làng trẻ em Birla Hà Nội”. Nghiên cứu này tập trung đánh giá, phân tích các nhu cầu về dịch vụ CTXH của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, từ đó đưa ra các giải pháp nâng cao việc cung cấp dịch vụ CTXH cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tại làng trẻ em Birla Hà Nội. Kết quả nghiên cứu cho thấy, đa số trẻ em sống tại Làng có nhu cầu về giáo dục, về hướng nghiệp dạy nghề, về tham vấn tâm lý và về hòa nhập cộng đồng. Nhân viên CTXH có vai trò quan trọng trong cung cấp dịch vụ CTXH giáo dục, tham vấn và hòa nhập cộng đồng cho trẻ em.

Từ khóa: chăm sóc thay thế; dịch vụ công tác xã hội; dịch vụ CTXH với trẻ em sống trong cơ sở bảo trợ xã hội; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

NEEDS FOR SOCIAL WORK SERVICES OF CHILDREN AT BIRLA CHILDREN'S VILLAGE HANOI

Abstract: There are 156,932 orphans, abandoned children or children without parental care in Vietnam. Many of them are living in social protection centers. Birla Children's Village Hanoi is a social protection center that has been providing alternative care for children with special circumstances. The article presents some brief findings of need of social work services extracted from the research report “Needs and situation of providing social work services to disadvantaged children who are living at Birla Children's Village Hanoi”. This study focuses on assessing and analyzing the needs of social work services of children with special circumstances, thereby proposing solutions to improve the social work services for children with special circumstances in Birla Children's Village Hanoi. The study results showed that many children living in Birla Children's Village have a need for education, vocational training orientation, psychological counseling, and community integration. Social workers play important role in providing social work services to meet the children's needs for education, counseling and community integration.

Keywords: alternative care; social work services; social work services for children living in social protection centers; children with special circumstance.

Mã bài báo: JHS - 95

Ngày nhận sửa bài: 16/11/2022

Ngày nhận bài: 27/9/2022

Ngày duyệt đăng: 12/01/2023

Ngày nhận phản biện: 18/10/2022

1. Đặt vấn đề

1.1. Lý do nghiên cứu

Công ước Liên hiệp quốc về Quyền trẻ em năm 1990 nêu rõ: “Để phát triển đầy đủ và hài hòa nhân cách của mình, trẻ em cần được lớn lên trên môi trường gia đình, trong bầu không khí hạnh phúc, yêu thương và cảm thông”. Ở Việt Nam, hiện có 26.372.278 trẻ em, trong đó số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (CHCDB) là 2.863.324 (chiếm 10,83% tổng số trẻ em), gồm 156.932 trẻ em mồ côi cả cha lẫn mẹ, trẻ em bị bỏ rơi và trẻ em không nơi nương tựa, 1.239.497 trẻ em khuyết tật, 5.003 trẻ em nhiễm HIV, 6.332 trẻ em vi phạm pháp luật, 608 trẻ em nghiện ma túy, 1.294 trẻ em bị xâm hại tình dục, 1.441.834 trẻ em bị bóc lột lao động, 11.530 trẻ em phải bỏ học kiếm sống khi chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở; 286 trẻ em bị bạo lực bị tổn hại đến thể chất và tinh thần (Báo cáo của Chính phủ số 475/BC-CP ngày 11/10/2019).

Việt Nam phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Quyền trẻ em từ ngày 20 tháng 2 năm 1990 và đã hai lần thực hiện thành công Kế hoạch hành động quốc gia vì trẻ em cho hai giai đoạn 2001-2010 và 2011-2020. Các mục tiêu về trẻ em giai đoạn 2011-2020 về cơ bản đã đạt và vượt, nhất là các nhóm chỉ tiêu về chăm sóc sức khỏe, giáo dục và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em. Tuy nhiên, tình trạng trẻ em bị bỏ rơi, bị xâm hại tình dục, bị bạo lực, bóc lột, mua bán vẫn còn xảy ở nhiều nơi với diễn biến phức tạp. Bên cạnh đó, ở Việt Nam đang xuất hiện những vấn đề mới có ảnh hưởng tới trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, như dịch bệnh Covid-19, sự suy giảm khả năng chăm sóc trẻ em từ gia đình, do gia đình đơn thể hệ thay thế gia đình đa thế hệ; vấn đề biến đổi khí hậu, thiên tai dẫn đến điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, gia đình ly tán; nhiều trẻ em có nguy cơ bị bỏ mặc và phải vào sống tại các cơ sở trợ giúp xã hội. Theo thống kê của Bộ Y tế, tính từ tháng 1/2020 đến tháng 2/2022 cả nước có 4.335 trẻ em mồ côi do Covid-19.

Theo Cục Bảo trợ xã hội, cả nước hiện có 441 Trung tâm Bảo trợ xã hội (BTXH) đang nuôi dưỡng 40.639 đối tượng và 55 trung tâm cung cấp dịch vụ CTXH đang cung cấp dịch vụ cho 6.421 đối tượng. Tại Hà Nội, hiện có 12 trung tâm BTXH đang thực hiện chức năng, nhiệm vụ chăm sóc nuôi dưỡng các đối tượng chính sách, trong đó có trẻ em CHCDB. Tuy

nhien, dịch vụ CTXH tại các trung tâm còn rất hạn chế. Trước tình hình đó, Thành phố Hà Nội và một số tỉnh, thành phố khác đã bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cho các trung tâm BTXH để thí điểm các mô hình cung cấp dịch vụ CTXH nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của trẻ em CHCDB và các nhóm yếu thế khác.

Theo báo cáo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hà Nội (LĐTBXH), trong những năm qua một số tổ chức xã hội trong nước và quốc tế đã có những chương trình dự án hỗ trợ trẻ em CHCDB vươn lên hòa nhập cộng đồng. Chất lượng dịch vụ nuôi dưỡng, chăm sóc y tế và giáo dục cho các đối tượng xã hội tại các trung tâm BTXH nói chung và các cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em nói riêng đã được cải thiện. Tuy nhiên, các trung tâm BTXH chủ yếu cung cấp các dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng nhiều hơn là cung cấp các dịch vụ CTXH. Việc cung cấp dịch vụ CTXH vẫn còn gặp nhiều khó khăn và hạn chế. Việc đánh giá nhu cầu về dịch vụ CTXH của trẻ em tại các cơ sở BTXH có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của trẻ em. Nhưng đến nay, vẫn còn rất ít công trình nghiên cứu về nhu cầu và thực trạng cung cấp dịch vụ CTXH đối với trẻ em CHCDB tại các cơ sở BTXH ở Việt Nam. Chính vì vậy, tác giả đã tập trung nghiên cứu về nhu cầu dịch vụ CTXH của trẻ em sống tại Làng trẻ em Birla Hà Nội.

1.2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu từ tháng 10 năm 2021 đến tháng 9 năm 2022 và chủ yếu tập trung phân tích nhu cầu về nhu cầu dịch vụ CTXH của trẻ em CHCDB đang được chăm sóc, hỗ trợ bởi Làng trẻ em Birla Hà Nội.

1.3. Nội dung nghiên cứu

Tác giả đã đánh giá, phân tích các nhu cầu và thực trạng cung cấp dịch vụ CTXH cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, từ đó đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ CTXH cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tại Làng trẻ em Birla Hà Nội. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả chỉ trình bày tóm tắt: (1) một số các khái niệm liên quan đến dịch vụ CTXH với trẻ em CHCDB; (2) phân tích các nhu cầu về dịch vụ CTXH của trẻ em CHCDB tại Làng trẻ em Birla Hà Nội; (3) một số khuyến nghị nhằm giúp Làng trẻ em Birla và các cơ sở BTXH nâng cao chất lượng cung cấp các dịch vụ CTXH cho trẻ em CHCDB.

2. Lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

2.1. Tổng quan nghiên cứu về dịch vụ công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Trên thế giới hiện có hơn 8 triệu trẻ em không được sống trong môi trường gia đình, các em phải sống trong các cơ sở BTXH khác nhau (Megan & Li, Junlei & Wright, Annie & Jimenez-Etcheverria, Pamela, 2019). Mặc dù, các cơ sở BTXH có một số đặc điểm giống nhau nhưng dịch vụ và chất lượng dịch vụ không giống nhau. Trẻ em sống nhiều năm trong cơ sở BTXH có nguy cơ sẽ gặp nhiều vấn đề về xã hội, tâm lý, cảm xúc và hành vi không tốt về sau (Julian, Li, Wright & Jimenez-Etcheverria, 2019). Trên thế giới, vấn đề đánh giá chất lượng dịch vụ CTXH đối với các nhóm trẻ em CHCĐB (như trẻ em mồ côi, trẻ em khuyết tật, trẻ vi phạm pháp luật...) đang phải sống trong các cơ sở BTXH đã được quan tâm nghiên cứu từ rất sớm (Pandey, Suman & Jha, H. & Upadhyay, Durgesh, 2021).

Ở Việt Nam, vấn đề nhu cầu dịch vụ CTXH với trẻ em CHCĐB sống trong các cơ sở BTXH chưa được quan tâm nghiên cứu sâu. Trong những năm gần đây đã có một vài giảng viên và học viên cao học ngành CTXH quan tâm nghiên cứu về dịch vụ CTXH đối với trẻ em CHCĐB, cụ thể như sau:

Báo cáo đánh giá nhu cầu sử dụng dịch vụ công tác xã hội và đề xuất kế hoạch phát triển mô hình và hệ thống cung cấp dịch vụ CTXH từ trung ương đến địa phương, đã định nghĩa: Dịch vụ CTXH là hoạt động cung cấp các hỗ trợ về tinh thần hay vật chất cho những người gặp hoàn cảnh khó khăn hoặc những người bị đẩy ra ngoài xã hội (người nghèo, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người bị bệnh hiểm nghèo, phụ nữ, người già cô đơn...) nhằm giảm thiểu những rào cản, những bất công và bất bình đẳng trong xã hội. Việc cung cấp dịch vụ CTXH cần tuân thủ 4 chức năng cơ bản của CTXH là: phòng ngừa, chữa trị, phục hồi và phát triển (Chung, 2013).

Đề tài về “*Công tác xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt từ thực tiễn tỉnh Long An*” đã phân tích, mô tả thực trạng CTXH và những yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến hoạt động CTXH đối với trẻ em CHCĐB trên địa bàn tỉnh Long An. Qua tổng hợp, phân tích các thông tin thu được từ các cuộc phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm với các nhân viên CTXH và rà soát các tài liệu sẵn có, tác giả đã khuyến nghị “cần vận

dụng phương pháp CTXH cá nhân để hỗ trợ cho trẻ em CHCĐB tiếp cận với các dịch vụ giáo dục, y tế và xã hội; giúp các em vượt qua khó khăn, vươn lên trong cuộc sống, hòa nhập cộng đồng.” (Nguyệt, 2017).

Nghiên cứu về “*tình hình thực hiện quyền trẻ em tại các Làng trẻ SOS tại Việt Nam*” đã cho thấy trong hơn 30 năm qua, có 6.119 trẻ em đã được nuôi dưỡng tại 236 nhà gia đình thay thế tại 17 Làng trẻ em SOS và 12 lưu xá thanh niên tại Việt Nam. Trong đó, 3.080 trẻ đã trưởng thành, 759 em đã lập gia đình. Nhiều em đã và đang theo học cao đẳng, đại học hoặc sau đại học (Hùng & Thủy, 2020). Tuy nhiên, nghiên cứu này chỉ giới hạn trong phạm vi các Làng trẻ em SOS và không đề cập đến dịch vụ CTXH đối với trẻ em tại các trung tâm BTXH khác. Mô hình chăm sóc trẻ em tại Làng trẻ em SOS do tổ chức SOS quốc tế tài trợ nên cần phải bàn thêm về tính bền vững và khả năng nhân rộng ở Việt Nam.

Nghiên cứu “*Công tác xã hội với trẻ em từ thực tiễn Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Lâm Đồng và Làng trẻ em SOS tại Đà Lạt*” đã mô tả các hoạt động CTXH với trẻ em và phân tích những khó khăn, thuận lợi trong cung cấp dịch vụ CTXH cho trẻ em tại Trung tâm BTXH tỉnh Lâm Đồng và tại Làng trẻ em SOS Đà Lạt (Phương, 2016). Tác giả đã đưa ra một số giải pháp chung chung nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu quả của CTXH đối với trẻ em CHCĐB. Tuy nhiên, nghiên cứu này không đề cập đến dịch vụ hỗ trợ trẻ em đang phải sống trong các cơ sở trợ giúp xã hội hòa nhập gia đình và cộng đồng.

“*Dịch vụ công tác xã hội và dịch vụ bảo vệ trẻ em*” đã chỉ ra rằng: hiện tại có tới 29 nhóm dịch vụ CTXH đã được thực hiện ở Việt Nam, trong đó lĩnh vực phúc lợi xã hội 10 nhóm dịch vụ; lĩnh vực Y tế có 7 nhóm dịch vụ; lĩnh vực trường học có 7 nhóm dịch vụ; lĩnh vực Tư pháp có 5 nhóm dịch vụ (Hữu, 2019). Tác giả cũng đề cập đến việc cần chuẩn hóa danh mục dịch vụ CTXH với trẻ em, cụ thể như: nhóm dịch vụ trợ giúp trẻ em có nhu cầu chăm sóc thay thế (bao gồm chăm sóc tạm thời hay chăm sóc dài hạn, nhận con nuôi, tìm kiếm gia đình/cá nhân nhận chăm sóc thay thế, cha mẹ nuôi; hỗ trợ hồi gia, đoàn tụ gia đình, giám sát quá trình chăm sóc thay thế).

“*Công tác xã hội cá nhân trợ giúp trẻ em có hành vi lệch chuẩn tại làng trẻ em Birla Hà Nội*” đã chỉ ra rằng: khi trẻ em không còn cha mẹ ruột thịt và phải sống tại

các trung tâm BTXH thì một số em thường có cử chỉ, thái độ, hành vi thiếu chuẩn mực và khó thiết lập các mối quan hệ xã hội (Hải, 2021).

Trong *Quản lý công tác xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt từ thực tiễn Làng trẻ em SOS Hà Nội*, tác giả đã mô tả hoạt động quản lý CTXH đối với trẻ em CHCĐB tại Làng trẻ em SOS Hà Nội. Trong đó nhấn mạnh rằng: hoạt động quản lý CTXH đối với trẻ em CHCĐB gặp nhiều khó khăn. Tác giả khuyến nghị tăng cường công tác quản lý CTXH đối với trẻ em CHCĐB trong các cơ sở BTXH nhằm phòng ngừa việc buôn bán hoặc lạm dụng trẻ em (Trang, 2019). Tuy nhiên, tác giả không đánh giá về nhu cầu và thực trạng cung cấp các dịch vụ CTXH và các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng dịch vụ CTXH cho trẻ em trong cơ sở BTXH.

Như vậy, các nghiên cứu trên đây có đề cập một số khía cạnh về dịch vụ xã hội và chăm sóc đối với trẻ em CHCĐB. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào tập trung đánh giá, phân tích về nhu cầu và thực trạng cung cấp dịch vụ CTXH tại Làng trẻ em Birla nói riêng và tại các Trung tâm BTXH nói chung.

2.2. Khung chính sách về dịch vụ công tác xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

2.2.1. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (CHCĐB)

Theo khoản 1 Điều 10 Luật trẻ em (2016), Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bao gồm các nhóm sau đây: (a) Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ; (b) Trẻ em bị bỏ rơi; (c) Trẻ em không nơi nương tựa; (d) Trẻ em khuyết tật; (đ) Trẻ em nhiễm HIV/AIDS; (e) Trẻ em vi phạm pháp luật; (g) Trẻ em nghiện ma túy; (h) Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở; (i) Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực; (k) Trẻ em bị bóc lột; (l) Trẻ em bị xâm hại tình dục; (m) Trẻ em bị mua bán; (n) Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải Điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; (o) Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc. Như vậy, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là người chưa có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, chưa thể tự bảo vệ bản thân khỏi những tác động bên ngoài, chưa đủ nhận thức để điều khiển hành vi của chính mình và đang gặp khó khăn, bất hạnh do những yếu tố khách quan tạo nên.

2.2.2. Chăm sóc thay thế

Điều 4 Luật Trẻ em (2016) quy định: Chăm sóc thay thế là việc tổ chức, gia đình, cá nhân nhận trẻ em về chăm sóc, nuôi dưỡng khi trẻ em không còn cha mẹ; trẻ em không được hoặc không thể sống cùng cha đẻ, mẹ đẻ; trẻ em bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa, xung đột vũ trang nhằm bảo đảm sự an toàn và lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Các trường hợp trẻ em cần chăm sóc thay thế, gồm: (1) Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em không nơi nương tựa. (2) Trẻ em không thể sống cùng cha, mẹ vì sự an toàn của trẻ em; cha, mẹ không có khả năng bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em hoặc chính là người xâm hại trẻ em. (3) Trẻ em bị ảnh hưởng của thiên tai, thảm họa, xung đột vũ trang cần được ưu tiên bảo vệ. (4) Trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ. (Điều 62 Luật Trẻ em).

Thông tư số 14/2020/TT-BLĐTBXH quy định: Đối với trẻ em sống tại cơ sở trợ giúp xã hội cần tạo điều kiện cho trẻ em trở về sống tại cộng đồng cùng cha, mẹ hoặc người thân thích (nếu có) hoặc tìm cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em; hỗ trợ chính sách trợ cấp xã hội cho trẻ em và cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế theo quy định.

2.2.3. Dịch vụ công tác xã hội

Thông tư 02/2018/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH quy định định mức mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ trợ giúp xã hội, Dịch vụ dành cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bao gồm 3 nhóm dịch vụ chính: (1) Dịch vụ Công tác xã hội, (2) Dịch vụ chăm sóc, nhận nuôi, và (3) Dịch vụ chăm sóc bán trú hoặc nội trú.

Dịch vụ CTXH với trẻ em CHCĐB là các hoạt động hỗ trợ, can thiệp với cá nhân, gia đình, nhóm và xã hội bởi nhân viên công tác xã hội nhằm nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu, đảm bảo các quyền và tăng cường các chức năng xã hội phòng ngừa - hạn chế và khắc phục rủi ro, thúc đẩy khả năng hòa nhập cộng đồng, xã hội đối với đối với trẻ em CHCĐB và hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống cho trẻ em. Các dịch vụ CTXH giúp trẻ em tiếp cận bình đẳng và có thể hòa nhập cao nhất vào các dịch vụ giáo dục, tham vấn, hòa nhập đình và cộng đồng. Cụ thể là, thúc đẩy tính trách nhiệm và mối quan hệ

gắn kết giữa gia đình và các thành viên và bảo đảm gia đình thành chỗ dựa an toàn nhất cho trẻ em; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được cung cấp hỗ trợ các dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhà nước, cộng đồng và xã hội; tạo ra các dịch vụ tham vấn và trị liệu tâm lý cho các đối tượng.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu sẵn có

Tác giả đã rà soát, phân tích 20 báo cáo nghiên cứu khoa học và các văn bản pháp luật về trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, về cung cấp dịch vụ CTXH với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, về chăm sóc thay thế. Từ đó, xác định những khoảng trống về lý luận và thực tiễn về nghiên cứu nhu cầu dịch vụ CTXH của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đang sống tại các cơ sở bảo trợ xã hội.

3.2. Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi

Tác giả đã tiến hành điều tra bằng phiếu hỏi với 30 trẻ em (từ 7 đến 18 tuổi) đang sống tại Làng trẻ em Birla Hà Nội. Việc sử dụng phương pháp này nhằm mục đích tìm hiểu, thu thập thông tin về nhu cầu dịch vụ CTXH của trẻ em, về thực trạng cung cấp dịch vụ xã hội cho trẻ em tại Làng trẻ em Birla Hà Nội. Đồng thời, xác định các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận và chất lượng của các dịch vụ công tác xã hội tại Làng trẻ em Birla, Thành phố Hà Nội.

Cách tiến hành: Giai đoạn 1 - Xây dựng bảng hỏi và sử dụng thử bảng hỏi để lấy ý kiến của trẻ em. Giai đoạn 2 - Chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện bảng hỏi, và giai đoạn 3 - Phát phiếu điều tra để thu thập dữ liệu về vấn đề nghiên cứu.

3.3. Phương pháp phỏng vấn sâu

Tác giả đã phỏng vấn sâu 02 nhân viên CTXH, 1 người nuôi dưỡng trẻ, 01 giáo viên và 05 trẻ em từ 8 đến 18 tuổi tại Làng trẻ em Birla Hà Nội để tìm hiểu, phân tích sâu hơn về các nội dung nghiên cứu. Cách tiến hành: Giai đoạn 1 - Phỏng vấn sâu được tiến hành nhằm phát hiện những vấn đề mới cũng như các nội dung, lĩnh vực chưa được xác định trong hệ thống khái niệm và các biến số. Thu thập thông tin về tổng quan nghiên cứu cũng như địa bàn nghiên cứu. Giai đoạn 2 - thu thập thông tin bổ sung cho những phát hiện từ nghiên cứu định lượng, tìm hiểu sâu hơn về các vấn đề có liên quan, phỏng vấn chuyên sâu được thực hiện sau khi đã có những phân tích sơ bộ từ số liệu điều tra định lượng. Tiến

hành phỏng vấn sâu với các nhóm trẻ em, cán bộ nhân viên tại Làng trẻ em Birla.

3.4. Phương pháp quan sát

Tác giả đã tới thăm, quan sát và tìm hiểu các dữ liệu liên quan đến nội dung nghiên cứu. Nội dung quan sát: tham dự và quan sát các biểu hiện, hành vi, cảm xúc của trẻ em, cũng như đội ngũ cán bộ, lãnh đạo tại Làng. Đồng thời, quan sát các yếu tố khác như: cơ sở vật chất, các chế độ đang được triển khai tại Làng.

Cách tiến hành: tiếp xúc trực tiếp với trẻ em, người chăm sóc, nhân viên CTXH, ban lãnh đạo tại Làng, quan sát và ghi lại bằng hình ảnh (nếu được phép). Phương pháp quan sát thực tế được tiến hành trong suốt quá trình nghiên cứu.

3.5. Phương pháp thảo luận nhóm

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên việc tổ chức thảo luận nhóm trẻ em và nhân viên xã hội được thực hiện bằng hình thức online với phần mềm zoom. Cách thức thực hiện: Giai đoạn 1: nghiên cứu viên thực hiện công tác chuẩn bị như: xác định thời gian, kế hoạch, nội dung thảo luận, liên hệ thống nhất với các đối tượng có liên quan. Giai đoạn 2: nghiên cứu viên thực hiện việc giới thiệu về mục đích, chủ đề của cuộc trao đổi, đồng thời trong suốt quá trình thảo luận, nghiên cứu viên thực hiện việc điều phối và hỗ trợ các thành viên tham gia chia sẻ thông tin về chủ đề được đặt ra. Nghiên cứu viên quan sát, ghi chép, ghi âm nội dung do những người tham gia thảo luận đã chia sẻ.

3.6. Phương pháp xử lý thông tin

Mục đích: Xử lý, phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu. Các phương pháp xử lý thông tin gồm: sử dụng excel để xử lý, phân tích kết quả điều tra bảng hỏi chủ yếu với phương pháp thống kê mô tả và các phương pháp xử lý thông tin khác như: kết quả phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm được ghi chép và ghi âm đã được xử lý bằng phương pháp tổng hợp thông tin hoặc gỡ băng. Những thông tin này sẽ được trích dẫn, đưa vào kết quả nghiên cứu khi đã mã hóa thông tin người cung cấp thông tin.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tại Làng trẻ em Birla Hà Nội

Từ ngày thành lập đến nay, Làng trẻ em Birla Hà Nội đã nuôi dưỡng, chăm sóc hơn 500 trẻ em

CHCĐB. Hiện nay, Làng đang nuôi dưỡng 62 em. Trong số các trẻ em đang được chăm sóc tại Làng, số trẻ em Nam chiếm tỷ lệ cao hơn trẻ em Nữ. (Năm 2022, trẻ em Nam chiếm 54,8%). Nhóm trẻ em ở độ tuổi từ 12-17 chiếm số lượng nhiều nhất (Năm 2022, trẻ em từ 12-17 tuổi, chiếm 37,1%). Trẻ em đang được Làng trẻ em Birla chăm sóc, nuôi dưỡng là trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng (83,87%) và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

4.2. Đặc điểm điểm tâm lý của trẻ em tại Làng trẻ em Birla Hà Nội

Kết quả khảo sát 30 trẻ em tại Làng trẻ em Birla Hà Nội cho thấy: 18 em (chiếm 60%) thường cảm thấy buồn, lo âu và nhớ quê nhà, 15 em cảm thấy tự ti với hoàn cảnh của bản thân và gia đình (chiếm 50%), 08 em không tự giác, không dám tự chịu trách nhiệm và thiếu kiên trì trong hành động (chiếm 26,7%), 07 em dễ xúc động, cáu gắt hoặc mất kiểm soát hành vi (23,3%), 5 em khó tập trung trong học tập (16,7%), 04 em có ý thức chấp hành kỷ luật kém hoặc có hành động gây bất bình với người xung quanh (16,7%), và 03 em thường có các suy nghĩ tiêu cực về cuộc sống hoặc đổ lỗi cho hoàn cảnh (10%). Kết quả nghiên cứu này cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu của Tổ chức UNICEF (2019), rằng: trẻ em CHCĐB thường có tâm lý lo âu, sợ hãi, mất đi sự ham thích và sinh lực; ít tập trung và nhiều bứt rứt; hung hăng và phá phách; buồn bã và khó tính, rất dễ nổi cáu; hoài nghi, thiếu tin tưởng; giận dữ và có ác cảm; mặc cảm, tự trách mình và không nói thật trong thời gian tiếp xúc ban đầu.

4.3. Nhu cầu dịch vụ công tác xã hội của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tại Làng trẻ em Birla

4.3.1. Nhu cầu dịch vụ hỗ trợ giáo dục và định hướng nghề nghiệp

a) Nhu cầu hỗ trợ tiếp cận với dịch vụ giáo dục phổ thông

Trong tổng số 62 em đang được Làng chăm sóc, nuôi dưỡng, có 47 em đang ở độ tuổi đi học phổ thông (chiếm 75,8%) và 15 em ở độ tuổi học nghề (chiếm 24,2%). Trong số 47 em ở độ tuổi đi học, có 08 em ở độ tuổi học mẫu giáo, 16 ở độ tuổi học tiểu, 23 em ở độ tuổi học tại các trường phổ thông cơ sở và phổ thông trung học. Theo số liệu đánh giá sàng lọc khi nhận trẻ vào Làng (do phòng hành chính cung cấp), 100% trẻ em trong độ tuổi đi học, khi mới được nhận vào làng, thường gặp những vấn đề về học tập. Trong đó, 50% có lực học trung bình hoặc yếu, 30% học tập không đầy đủ hoặc đã phải nghỉ học do hoàn cảnh gia đình khó khăn, và 20% gặp các vấn đề khác có ảnh hưởng đến học tập. 100% số trẻ em được hỏi trả lời “có” nhu cầu và mong muốn được hỗ trợ để tiếp tục đi học. Các cán bộ, nhân viên và giáo viên trả lời phỏng vấn đã khẳng định rằng: “có” nhu cầu và cần sự hỗ trợ của nhân viên CTXH trong công tác giáo dục trẻ em, cụ thể là theo dõi, nhắc nhở và động viên các em tham gia đầy đủ các hoạt động học tập ở trường và ở nhà”.

b) Nhu cầu về định hướng nghề nghiệp

Làng đang hỗ trợ 15 thanh niên, có độ tuổi từ 18 đến 22 theo học nghề. Trong đó, có 5 em đang học đại học, 6 em học cao đẳng và 4 em học trung cấp nghề. Ngoài ra, mỗi năm, Làng có thêm 8 em tốt nghiệp phổ thông trung học và có nhu cầu được tư vấn để thi vào các trường đại học, cao đẳng hoặc các trường trung cấp nghề phù hợp với năng lực.

Bảng 1. Nhu cầu của trẻ em Làng trẻ em Birla về định hướng nghề nghiệp

Nhu cầu	Số lượng	Tỷ lệ %
Được cung cấp thông tin và tư vấn về kỳ thi tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng và học nghề	30	100%
Được tư vấn, định hướng chọn nghề nghiệp phù hợp trong tương lai.	28	93%
Được tham gia các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động tham quan học tập và giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao	26	87%

Nguồn: Số liệu khảo sát thực tế tại Làng trẻ em Birla Hà Nội tháng 5, 2022

Kết quả khảo sát ở Bảng 1 cho thấy: 100% học sinh cấp trung học phổ thông của Làng Birla có nhu cầu được cung cấp thông tin và tư vấn về kỳ thi tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng và học nghề; 93% có

nhu cầu được tư vấn và định hướng chọn nghề nghiệp phù hợp trong tương lai. 87% có nhu cầu được tham gia các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động tham quan học tập và giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục,

thể thao trong và ngoài nhà trường. Như vậy, các em học sinh, sinh viên đang được nuôi dưỡng bởi Làng trẻ em Birla Hà Nội có nhu cầu được tư vấn, hướng nghiệp để chọn đúng ngành nghề mà mình có sở trường và đúng sở thích. Việc xác định đúng nhu cầu định hướng, tư vấn nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên có ý nghĩa rất quan trọng.

c) Nhu cầu trợ giúp gia đình và nhà trường trong giáo dục trẻ em CHCDB

Kết quả phỏng vấn cán bộ, nhân viên làm công tác nuôi dưỡng trẻ em tại Làng trẻ em Birla (các mẹ, các dì) cho thấy: tất cả các nhân viên nuôi dưỡng trẻ em trả lời “có” nhu cầu và cần sự trợ giúp của nhân viên CTXH trong công tác hỗ trợ trẻ em học

tập tại nhà. Kết quả phỏng vấn sâu giáo viên đang giảng dạy học sinh của Làng Birla cũng chỉ ra rằng: giáo viên có nhu cầu và mong nhận được sự hỗ trợ từ các nhân viên CTXH nhằm thúc đẩy sự phối hợp giữa người nuôi dưỡng trẻ với giáo viên, nhà trường và các cơ quan liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ giáo dục đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt. Từ đó, kịp thời động viên các em hoàn thành mục đích học tập và rèn luyện thành những công dân có ích cho xã hội.

4.3.2. Nhu cầu của trẻ em Làng trẻ em Birla về dịch vụ tham vấn tâm lý

a) Mức độ gặp khó khăn tâm lý ở trẻ em Làng trẻ em Birla

Bảng 2. Mức độ gặp khó khăn tâm lý của trẻ em Làng trẻ em Birla

Thực trạng mức độ gặp khó khăn tâm lý	Số lượng (N =30)	Tỷ lệ (%)
Chưa bao giờ	2	7%
Hiếm khi	7	23%
Thỉnh thoảng	12	40%
Thường xuyên	9	30%

Nguồn: Số liệu khảo sát thực tế tại Làng trẻ em Birla Hà Nội tháng 5/2022

Kết quả khảo sát ở Bảng 2 cho thấy rằng 30% số trẻ trả lời “thường xuyên” và 40% trả lời “thỉnh thoảng” gặp khó khăn về tâm lý (chiếm 70% tổng số trẻ em trả lời phiếu điều tra). Chỉ có 7% số trẻ em được khảo sát trả lời “chưa bao giờ” và 23% trả lời “hiếm khi” gặp khó khăn về tâm lý. Như vậy, có thể kết luận rằng: phần lớn trẻ em đang sống tại Làng trẻ em Birla có gặp các vấn đề về tâm lý. Kết quả này cũng phù hợp với các nghiên cứu trước đây về các nhóm trẻ em khác, rằng: có 4 nhóm khó khăn tâm lý mà học sinh phổ thông thường gặp là:

(1) Khó khăn từ chính bản thân: khó khăn trong giao tiếp, mặc cảm tự ti về bản thân, đánh giá thấp bản thân, cảm thấy buồn rầu. (2) Khó khăn tâm lý trong học tập: khó tập trung nghe giảng, khó tiếp thu bài, khó khăn trong việc ghi nhớ, khó khăn trong việc vận dụng kiến thức đã học. (3) Khó khăn tâm lý trong các mối quan hệ: khó khăn trong các mối quan hệ giữa cá nhân với bạn bè, với thầy/cô giáo, với cha mẹ, và (4) khó khăn trong việc lựa chọn nghề nghiệp tương lai.

b) Nhu cầu về dịch vụ tham vấn tâm lý

Bảng 3. Nhu cầu về dịch vụ tham vấn tâm lý

Nhu cầu tham vấn tâm lý khi gặp khó khăn tâm lý	Số lựa chọn (N = 30)	Tỷ lệ
Khó khăn tâm lý trong học tập	27	90,0%
Khó khăn tâm lý liên quan đến các mối quan hệ	26	86,7%
Khó khăn tâm lý liên quan đến hướng nghiệp	28	93,3%
Khó khăn tâm lý liên quan đến bản thân	21	70,0%
Các vấn đề khác	15	50,0%

Nguồn: Số liệu khảo sát thực tế tại Làng trẻ em Birla Hà Nội tháng 5, 2022

Kết quả khảo sát ở Bảng 3 cho thấy, 90% số em được hỏi trả lời “có nhu cầu được trợ giúp tâm lý khi gặp khó khăn về học tập” như khó tập trung nghe giảng, khó tiếp thu bài, khó khăn trong việc hoàn thành bài tập, khó khăn trong việc vận dụng kiến thức đã học. 86,7% số em có nhu cầu được tham vấn tâm lý khi gặp khó khăn tâm lý trong các mối quan hệ với bạn bè, với thầy cô giáo, với mẹ nuôi và với các cán bộ chăm sóc nuôi dưỡng khác. Các em

cảm thấy áp lực khi bị nhắc nhở, quản lý chặt bởi các cán bộ, nhân viên nuôi dưỡng. 93% số em được hỏi trả lời có nhu cầu được tham vấn khi gặp khó khăn trong việc lựa chọn nghề nghiệp tương lai, và 70% số em có nhu cầu tham vấn tâm lý khi gặp khó khăn trong giao tiếp, như mặc cảm tự ti về bản thân, đánh giá thấp bản thân, hoặc khi cảm thấy lo âu, buồn rầu về tương lai.

4.3.3. Nhu cầu về hòa nhập gia đình và cộng đồng

Bảng 4. Nhu cầu hòa nhập cộng đồng của trẻ em Làng Birla Hà Nội

Nhu cầu	Số lượng (30)	Tỷ lệ
Liên lạc hoặc gặp lại người thân, họ hàng (cha, mẹ, anh, chị em, ông, bà, cậu dì ...)	27	90.0%
Về thăm người thân, gia đình, họ hàng	22	73.3%
Được về đoàn tụ, sống cùng người thân/họ hàng (nếu họ có đủ điều kiện nhận nuôi)	20	66.7%
Được tham gia nhiều hơn các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và được giao lưu, kết bạn với người ngoài Làng	16	53.3%

Nguồn: Số liệu khảo sát thực tế tại Làng trẻ em Birla Hà Nội tháng 5/2022

Số liệu ở Bảng 4 cho thấy, 90% số em có nhu cầu được liên lạc hoặc gặp lại người thân, họ hàng. 73,3% có nhu cầu được về thăm người thân, gia đình và họ hàng. 66,7% số trẻ được hỏi có nhu cầu được về đoàn tụ hoặc sống cùng với người thân, họ hàng nếu họ có đủ điều kiện nhận nuôi, và 53,3% có nhu cầu được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và được giao lưu, kết bạn với các trẻ em khác ở ngoài Làng trẻ em Birla.

Những phát hiện thu được từ nghiên cứu này cho thấy, đa số trẻ em sống tại Làng trẻ em Birla Hà Nội đều có nhu cầu về dịch vụ CTXH. Các trẻ em ở độ tuổi nhỏ (dưới 12 tuổi) chủ yếu có nhu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng và được tiếp cận với học tập. Còn nhóm trẻ em từ 12 tuổi trở lên có nhiều nhu cầu hơn, các em có nhu cầu định hướng nghề nghiệp, được tư vấn tâm lý và được đoàn tụ với gia đình và hòa nhập cộng đồng. Các trẻ em nữ ở độ tuổi dậy thì từ 14-17 tuổi thường có nhu cầu về các dịch vụ tham vấn, tư vấn tâm lý khi gặp những khó khăn trong các mối quan hệ với bạn bè, thầy cô.

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu tại Làng trẻ em Birla cho thấy đa số trẻ em CHCĐB có nhu cầu về dịch vụ CTXH. Các em mong được hỗ trợ để tiếp cận với giáo dục, các em muốn được tư vấn, tham vấn tâm lý khi gặp

khó khăn và có nhu cầu được trợ giúp để liên lạc, đoàn tụ với gia đình và hòa nhập cộng đồng. Khi phải sống tại cơ sở BTXH, các em thường có tâm lý nhớ nhà, tự ti, và lo âu. Để giúp các em vượt qua những khó khăn, mặc cảm và hòa nhập tốt hơn, các cơ sở BTXH cần quan tâm đánh giá, phân tích nhu cầu của trẻ em CHCĐB về tiếp cận với các dịch vụ hỗ trợ giáo dục, về tham vấn tâm lý, và hỗ trợ đoàn tụ gia đình và hòa nhập cộng đồng. Trong tiến trình đó, nhân viên CTXH và dịch vụ CTXH đóng vai trò quan trọng và quyết định chất lượng cung cấp dịch vụ CTXH cho trẻ em.

Nghiên cứu này diễn ra trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp nên có nhiều hạn chế trong việc tiếp cận và thu thập thông tin về đối tượng nghiên cứu. Thiết nghĩ rằng, để có bằng chứng cho việc định hướng chuyển đổi mô hình cung cấp dịch vụ CTXH tại Làng trẻ em Birla Hà Nội nói riêng và tại các cơ sở BTXH khác nói chung, chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về nhu cầu và thực trạng cung cấp dịch vụ CTXH tại các cơ sở BTXH. Từ đó, để xuất các kế hoạch hành động đúng đắn để thực hiện các quy định của Công ước Liên hiệp quốc về Quyền trẻ em 1990 và của Luật Trẻ em 2016 về ưu tiên cung cấp dịch vụ CTXH cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tại gia đình./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Lao động Thương binh - Xã hội. (2020). *Thông tư số 14/2020/TT-BLĐTBXH hướng dẫn việc thực hiện các quy định về chăm sóc thay thế cho trẻ em*.
- Chính phủ. (2019). *Báo cáo số 475/BC-CP ngày 11/10/2019 về kết quả thực hiện quyền trẻ em và việc thực hiện nhiệm vụ của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương từ khi luật trẻ em có hiệu lực đến nay*.
- Hải, P.X. (2021). *Công tác xã hội cá nhân trợ giúp trẻ em có hành vi lệch chuẩn tại Làng trẻ em Birla Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ ngành CTXH, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Hùng, T.B., & Thủy, Đ.T.B.(2020). *Báo cáo phân tích tình hình thực hiện quyền trẻ em tại các Làng trẻ SOS tại Việt Nam*.
- Hữu, N.H. (2019). *Dịch vụ công tác xã hội và dịch vụ bảo vệ trẻ em*
- Làng trẻ em SOS Việt Nam. (2020). *Hướng dẫn chăm sóc thay thế cho trẻ em không còn nguồn nuôi dưỡng*.
- Megan & Li, Junlei & Wright, Annie & Jimenez-Etcheverria, Pamela. (2019). *Young Children in Institutional Care: Characteristics of Institutions, Children's Development, and Interventions in Institutions*. 10.1007/978-3-030-27033-9_16.
- Nguyệt, P.T. (2017). *Công tác xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt từ thực tiễn tỉnh Long*
- Pandey, Suman & Jha, H. & Upadhyay, Durgesh (2021), *Social Work Interventions for Children Living in Institutional Care: An Overview*. 23. 11-16.
- Phương, T.T.M. (2016). *Công tác xã hội với trẻ em từ thực tiễn Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Lâm đồng và Làng trẻ em SOS, tỉnh Lâm Đồng*. Luận văn thạc sĩ ngành công tác xã hội. Học viện khoa học xã hội Việt Nam.
- Quốc hội. (2016). *Luật Trẻ em số 102/2016/QH13*
- Thủ tướng Chính phủ. (2021). *Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 27/1/2021 của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030*.
- Trang, L.T.Q. (2019). *Quản lý Công tác xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt từ thực tiễn Làng trẻ em SOS Hà Nội*
- UBND Thành phố Hà Nội. (2022). *Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 về việc tổ chức lại Làng Trẻ em Birla Hà Nội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội*.
- UBND Thành phố Hà Nội. (1987). *Quyết định số 5026/QĐ-TC ngày 20/11/1987 về việc thành lập Làng trẻ em Birla Hà Nội*.